

Bản án số: 267/2026/DS-PT
Ngày 26 – 3 – 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.

2. Bà Đinh Cẩm Đào.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 686/2025/TLPT-DS, ngày 11/12/2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 318/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lương Thị T:* Ông **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm B, xã C, tỉnh Cà Mau (văn bản uỷ quyền ngày 19/6/2025)(có mặt).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lương Thị T:* Ông **Trịnh Thanh L** – Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. Địa chỉ liên hệ: Số I, Hồ Trung T1, Khóm C, Phường G, thành phố C (Nay là phường T, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

1.2. Bà **Lương Kim K**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

1.3. Ông **Lương Văn Đ1**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

1.4. Bà **Lương Thị X**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Cà Mau.

1.5. Ông **Lương Văn L1**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, phường G, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Phan Thị L2**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

2.2. Ông **Lương Văn N**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.3.1. Ông **Trần Văn T2**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

3.2. Bà **Hồ Bé H**, sinh năm 1985 (vợ ông T2) (vắng mặt).

3.3. Anh **Trần Mạnh T3**, sinh năm 2002 (con ông T2) (vắng mặt).

3.4. Anh **Trần Mạnh T4**, sinh năm 2005 (con ông T2) (vắng mặt).

3.5. Chị **Trần Mỹ D**, sinh năm 2009 (con ông T2) (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Mỹ D: Ông **Trần Văn T2**, sinh năm 1983; bà **Hồ Bé H**, sinh năm 1985 – Là cha, mẹ ruột của chị D (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

3.6. Ông **Lương Tấn Đ2**, sinh năm 1948 (vắng mặt).

3.7. Bà **Huỳnh Thị T5**, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

3.8. **Ngân hàng N1**. Trụ sở: Số B, phố L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường Đ, thành phố Hà Nội). *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Tiết Văn T6** – Tổng Giám đốc. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông **Trần Thanh T7** - Chi nhánh P3 - Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: Khóm H, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Lương Thị T, bà Lương Kim K, ông Lương Văn Đ1, bà Lương Thị X, ông Lương Văn L1 cùng trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cụ Lương Văn T8 (chết năm 2020) và cụ Hồ Thị B (chết năm 1975) tạo lập 32 công tằm lớn 03m (01 công tương đương 1.296m²), đất tọa lạc tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau). Năm 1989, cụ T8 chuyển nhượng cho cụ Lương Văn P (anh trai cụ T8) 05 công tằm 03m. Năm

1989, cụ T8 chuyển nhượng cho ông Lương Văn Đ3 (con trai ông Lương Văn P) 03 công tầm 03m. Năm 1991, cụ T8 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Việt H1 18 công tầm 03m. Năm 1992, ông Nguyễn Việt H1 chuyển nhượng cho ông Lương Văn N 08 công tầm 03m (mặt tiền). Ông Nguyễn Việt H1 chuyển nhượng cho ông Lương Văn P1 10 công tầm 03m. Cụ T8 còn lại 06 công tầm 03m nằm trong thửa 709 diện tích 3.900m² và thửa 703 diện tích 2.500m². Sau đó, ông Lương Văn N làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùm lên thửa 703 diện tích 2.500m² lấn chiếm đến nay và đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công nhận diện tích đất trên cho ông Lương Văn N. Đối với thửa đất 709 diện tích 3.900m² là do cụ T8 kê khai đăng ký sổ bộ vào năm 1991, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1993, cụ T8 phát hiện ông Lương Văn N lấn chiếm đất, ông N đồng ý trả nhưng sau đó chiếm lại.

Đối với thửa đất 313 diện tích 1.600m² (đất biên) là do cụ Lương Văn T8 kê khai đăng ký sổ bộ năm 1991, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Cụ T8 đã quản lý, sử dụng đồn dừ nước, cây tạp từ năm 1954 đến năm 2015. Năm 2016, cụ T8 phát hiện ông N lấn chiếm và chuyển nhượng cho ông Trần Văn T2. Cụ T8 có ngăn cản ông T2 cải tạo đất và cất nhà, nhưng ông T2 vẫn quản lý, sử dụng đến nay.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 trả lại thửa đất 709 diện tích 3.900m² đất tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau).

Các nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 và ông Trần Văn T2 tháo dỡ di dời nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất để giao trả lại thửa đất 313 diện tích 1.600m² tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau).

Theo bị đơn ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha ông là cụ Lương Tấn P2 nhận chuyển nhượng của cụ Lương Văn T8 01 dây đất tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau) vào năm 1988. Sau đó, cụ P2 cho ông toàn bộ diện tích đất trên. Đến năm 1993, ông nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Việt H1 tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, diện tích 08 công đất, khi nhận chuyển nhượng không đo đạc cũng không làm văn bản. Đến năm 1994, ông được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất trên là 28.370m². Đồng thời, anh ruột của ông là ông Lương Tấn Đ2 nhận chuyển nhượng phần đất của cụ Lương Văn T8 thửa 709, diện tích 3.900m². Sau đó, ông và ông Đ2 đổi 02 thửa đất 709 và 316 để liền kề nhau, nên ông Đ2 giao cho ông thửa 709 là 3.900m² và ông giao lại thửa 316 là 3.900m² cho ông Đ2. Các nguyên đơn yêu cầu trả lại diện tích 3.900m² thì ông không đồng ý, do đất của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất và sử dụng hợp pháp. Đối với phần đất 1.600m² ông chuyển nhượng cho ông Trần Văn T2. Ông T2 quản lý, sử dụng đến nay và đã cất nhà trên đất, ông vẫn chưa chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông T2.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Tấn Đ2, bà Huỳnh Thị T5 trình bày: Khoảng năm 1985, ông có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Lương Văn T8, diện tích khoảng 3.900m² tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau), được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/01/1994. Năm 2000, ông và ông N thỏa thuận đổi đất, ông N giao phần đất 2.600m² cho ông quản lý, sử dụng, ông giao phần đất 3.900m² cho ông N quản lý sử dụng, nhưng hai bên vẫn chưa cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, các con của ông Lương Văn T8 khởi kiện yêu cầu ông N, bà L2 trả phần đất 3.900m² thì ông không đồng ý, vì đất ông đã nhận chuyển nhượng từ ông Lương Văn T8.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2 và bà Hồ Bé H trình bày: Ông Tấn nhận chuyển nhượng đất của ông Lương Văn N vào năm 2012, phần đất biên giá 8.000.000 đồng, khi nhận chuyển nhượng không tiến hành đo đạc, có làm giấy tay sang nhượng đất ngày 07/9/2012, đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đất ông N đang thế chấp vay vốn tại ngân hàng. Năm 2012, ông bà đã cất nhà trên phần đất, làm bờ kè, cải tạo bồi lấp nền đất, trồng cây trên đất. Nay, các nguyên đơn khởi kiện ông N, bà L2 thì ông bà không có ý kiến. Việc chuyển nhượng đất giữa ông bà và ông N, bà L2 thì ông bà tự thỏa thuận với ông N, bà L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 trình bày: Ông Lương Văn N hiện đang dùng tài sản là quyền sử dụng đất số C 329737 diện tích 28.370m² để đảm bảo cho khoảng vay tại A Chi nhánh P3, vay số tiền gốc 838.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Lương Văn N đang trong thời gian thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng không có yêu cầu trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 318/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 trả phần đất diện tích 3.900m², thuộc thửa 709 tại ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu bị đơn ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 và ông Trần Văn T2 tháo dỡ di dời nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất để giao trả lại diện tích 1.600m² thuộc thửa 313 tại ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền thoả thuận thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/10/2025, nguyên đơn bà Lương Thị T kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lương Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lương Thị T; Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 318/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Cà Mau. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lương Thị T hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 trả lại thửa đất 709 diện tích 3.900m² đất tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau).

Các nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 và ông Trần Văn T2 tháo dỡ di dời nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất để giao trả lại thửa đất 313 diện tích 1.600m² tại ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau).

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lương Thị T:

[3.1] Diện tích đất tranh chấp bị đơn không đồng ý cho tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, nên Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện được thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ quyền sử dụng đất tranh chấp (bút lục 103). Tuy nhiên, nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 709, tờ bản đồ số 6, hiện do ông Lương Văn N đang quản lý sử dụng.

[3.2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Lương Văn T8, thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.3] Xét về quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng đất: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Tấn Đ2 trình bày: Thửa 709,

tờ bản đồ số 6, ông nhận chuyển nhượng của cụ Lương Văn T8 và quản lý, sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng, đến ngày 24/01/1994, ông được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 329771. Lời trình bày của ông Đ2 phù hợp với Công văn số 1611/CNVPĐKĐĐ ngày 26/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Cà Mau là cơ quan tham mưu cho UBND huyện P trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn cũng thừa nhận: Cụ Lương Văn T8 có chuyển nhượng cho ông Lương Tấn Đ2, tuy nhiên chuyển nhượng diện tích bao nhiêu, thửa nào, nguyên đơn không rõ. Như vậy, nguyên đơn xác định: Cha của nguyên đơn là cụ Lương Văn T8 có chuyển nhượng đất cho ông Đ2; ông Đ2 cũng đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ cụ thể T8 chuyển nhượng cho ông Đ2 diện tích đất khác không bao gồm thửa 709, tờ bản đồ số 6. Bên cạnh, diện tích đất thuộc thửa 709, tờ bản đồ số 6, ông Đ2 trực tiếp sử dụng từ lúc nhận chuyển nhượng cho đến khi đổi đất cho ông Lương Văn N và ông N sử dụng từ lúc đổi đất cho đến nay, nguyên đơn cũng không phản đối hay có hành vi cản trở việc sử dụng của bị đơn.

[3.4] Từ sự phân tích trên, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn kháng cáo, nhưng không có căn cứ chấp nhận, nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lương Thị T được miễn nộp 300.000 đồng do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí (bút lục 322), theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đồng thời, bà T cũng đã được miễn nộp tạm ứng án phí khi kháng cáo.

[6] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11, 26, Điều 101, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 37, 137, 138, 235 và 236 của Luật Đất đai năm 2024; Điều 105 và 115 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a, c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lương Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 318/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T, bà Lương Kim K, ông Lương Văn Đ1, bà Lương Thị X, ông Lương Văn L1 về việc yêu cầu bị đơn ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 trả phần đất diện tích 3.900m², thuộc thửa 709 tại ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau. Vị trí: Hướng Đông giáp đất ông Lương Văn T9, hướng Tây giáp đất Lương Văn P1, hướng Nam giáp đất Lương Văn T10, hướng Bắc giáp đất Lương Văn N.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T, bà Lương Kim K, ông Lương Văn Đ1, bà Lương Thị X, ông Lương Văn L1 về việc yêu cầu bị đơn ông Lương Văn N, bà Phan Thị L2 và ông Trần Văn T2 tháo dỡ di dời nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất để giao trả lại diện tích 1.600m² thuộc thửa 313 tại ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lương Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá 10.828.000 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng) (đã nộp và chi xong).

4. Án phí dân sự:

4.1. Nguyên đơn bà Lương Thị T, bà Lương Kim K, ông Lương Văn Đ1, bà Lương Thị X, ông Lương Văn L1 được miễn nộp án phí sơ thẩm không có giá ngạch. Bà T, bà K, ông Đ1, bà X và ông L1 đã nộp 4.050.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018918 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Cà Mau), được hoàn lại toàn bộ.

4.2. Bà Lương Thị T được miễn nộp án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 3, tỉnh Cà Mau;
- PTHADS khu vực 3, tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

